

Số: **89/2024/QĐPT-HC**

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Hải Thanh;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên họp: Ông Thái Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên họp: Ông Lê Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 07/2024QĐST-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 1 Điều 123 và điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính, về việc “*Khiếu kiện Quyết định hành chính*”, giữa:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956; cư trú tại: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; Địa chỉ: Thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh phúc.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc B - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (*theo giấy ủy quyền số 124/UBND-UQ ngày 15/01/2024*).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trịnh Thị N, sinh năm 1958;

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1948;

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Lê Thị Thu H1, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (*Theo văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024*).

Tại đơn kháng cáo ngày 15 tháng 6 năm 2023 ông Nguyễn Văn D kháng cáo quyết định đình chỉ giải quyết vụ án với các lý do:

- Quyết định đình chỉ số 07/2024/QĐST-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã căn cứ vào điểm h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 1 Điều 123 và điểm g khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính quyết định đình chỉ giải quyết vụ án là trái pháp luật vì diện tích đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên đã chồng lấn lên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông nên ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông.

- Bên cạnh đó, do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B đã không cung cấp hồ sơ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T nên ông D không thể tiến hành việc khiếu nại trong thời hạn luật định.

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xác định ông D không có quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp giáp ranh thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T căn cứ theo Bản án dân sự đã có hiệu lực pháp luật nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T ngày 13/12/2011 không ảnh hưởng tới quyền, lợi ích của ông D là không phù hợp quy định pháp luật.

XÉT THẤY:

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn D có nội dung và hình thức phù hợp, được nộp trong thời hạn, phù hợp với các Điều 204, 205, 206 Luật Tổ tụng hành chính nên được giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm. Hội đồng phúc thẩm căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 226 Luật Tổ tụng hành chính để mở phiên họp xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Theo lời khai của ông D tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/3/2024, 09/5/2024 và ngày 14/5/2024 ông D xác định ông biết bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2016 khi Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giải quyết vụ án dân sự tranh chấp ranh giới sử dụng đất giữa nguyên đơn là ông D với bị đơn là bà T vào năm 2017. Khi biết bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông đã có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T. Lời khai của ông D phù hợp với Biên bản phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 20/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc thể hiện Tòa án đã công khai toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án dân sự cho ông D, bà T, trong đó có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T ngày 13/12/2011 mà tòa án đã thu thập. Như vậy, có căn cứ xác định ông D đã biết bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ngày 20/6/2017.

[2.2] Theo biên bản xác minh ngày 08/5/2024 về nội dung giải quyết khiếu nại của Ủy ban nhân dân huyện B đối với khiếu nại của ông D về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T, Ủy ban nhân dân huyện B cung

cấp như sau: Năm 2018, ông D có khiếu nại đề nghị Ủy ban nhân dân huyện B hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 13/12/2021 cấp cho bà T, Ủy ban nhân dân huyện B đã có Công văn số 1670/UBND-TNMT ngày 30/10/2019 trả lời ông D về việc không có cơ sở để xem xét giải quyết khiếu nại vì đã có bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đối với nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà T và ông D. Sau đó, ông D tiếp tục có đơn khiếu nại và Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành các Văn bản số 1941/UBND-TNMT ngày 11/12/2019; 411/UBND-TNMT ngày 10/3/2020 trả lời đơn cho ông D. Văn bản số 411/UBND-TNMT ngày 10/3/2020 là văn bản giải quyết cuối cùng liên quan tới nội dung khiếu nại của ông D. Sau đó, ông D tiếp tục có đơn khiếu nại nhưng Ủy ban nhân dân huyện B từ chối nhận đơn và không tiếp ông D.

[2.3] Phiếu tiếp công dân số 102/PTCD-BTCD ngày 25/9/2020 của Ban tiếp công dân huyện B thể hiện ngày 25/9/2020 Ban tiếp công dân huyện B trực tiếp giao cho ông D Công văn số 411/UBND-TNMT ngày 10/3/2020 nêu trên. Lời khai của ông D xác định đề đã nhận được các văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện B và nhận được Công văn số 411/UBND-TNMT ngày 10/3/2020 không nhớ cụ thể ngày nhưng nhận được trong năm 2020.

[3] Theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính quy định về thời hiệu khởi kiện như sau:

“2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính...

3. Trường hợp đương sự khiếu nại theo đúng quy định của pháp luật đến cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại thì thời hiệu khởi kiện được quy định như sau:

a) 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc quyết định giải quyết khiếu nại lần hai;

b) 01 năm kể từ ngày hết thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật mà cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền không giải quyết và không có văn bản trả lời cho người khiếu nại...”

[4] Từ ngày 25/9/2020 (ngày ông D được giao nhận trực tiếp văn bản giải quyết cuối cùng của Ủy ban nhân dân huyện B về khiếu nại hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà T) đến ngày ông D khởi kiện (ngày 26/10/2023) là đã hơn 3 năm, nên đã hết thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính. Theo điểm g khoản 1 Điều 143 Luật tổ tụng hành chính quy định: Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án trong các trường hợp sau: *“Thời hiệu khởi kiện đã hết”*.

[5] Ông Nguyễn Văn D khởi kiện, yêu cầu tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 542787 cấp ngày 13/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 594, tờ bản đồ số 04, diện tích 401m², tại tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc với lý do Ủy ban nhân dân huyện B cấp chồng lấn diện tích khoảng 38m² đất tại ranh giới đất nhà ông ở phía Bắc giáp đất nhà bà T do bà T lấn chiếm ranh giới.

Do đó Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết: "Khiếu kiện quyết định hành chính" là đúng quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử còn xét thấy:

[6.1] Năm 2016, ông D đã khởi kiện vụ án dân sự tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất với bà T đối với diện tích đất tranh chấp tại vị trí ranh giới đất phía Bắc nhà ông D giáp với nhà bà T. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D. Sau đó, ông D kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2018/DS-PT ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm nêu trên.

[6.2] Ông D tiếp tục có đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm. Tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 744/TB-TANDCC-DS ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Thông báo về việc không kháng nghị tái thẩm số 197/TB-VC1-DS ngày 21/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 01/TB-TA ngày 06/01/2021 của Tòa án nhân dân tối cao đều đã trả lời ông D với nội dung không có căn cứ kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 03/2018/DS-PT ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

[6.3] Như vậy, phần đất tranh chấp giáp ranh giữa nhà ông D với bà nhà T đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực với nội dung không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi đất lấn chiếm ranh giới của ông D đối với bà T, ông D không có quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp giáp ranh thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T. Vì vậy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 542787 cấp ngày 13/12/2011 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc cấp cho bà Nguyễn Thị T đối với thửa đất số 594, tờ bản đồ số 04, diện tích 401m², tại tổ dân phố C, thị trấn H, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc là hợp pháp, không ảnh hưởng tới quyền, lợi ích của ông D.

[6.4] Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính quy định: "*Quyết định hành chính bị kiện là quyết định... làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân*". Do đó, ông D không có quyền khởi kiện hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T.

[7] Với những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 143, điểm a khoản 1 Điều 123 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ giải quyết vụ án là đúng pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D.

[8] Về án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn D do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 243 Luật Tổ tụng hành chính.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn D. Giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 07/2024/QĐST-HC ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.
2. Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn D.
3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Các đương sự;
- Lưu HCTP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh